

疑问代词

"多少"

(1) 你们 学校 有 多少 (个) 学生?

Nǐmen xuéxiào yǒu duōshao (gè) xuéshēng?

(2) 你 的 学校 有 多少 (个) 老师?

Nǐ de xuéxiào yǒu duōshao (gè) lǎoshī?

(3) 这 个 杯子 多少 钱?

Zhè ge bēizi duōshao qián?

Tự đúc kết công thức